



KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 699/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 của
Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh), nhằm cụ thể hóa các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

- Phân công trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương; phân kỳ đầu tư các dự án bảo đảm thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh. Đồng bộ hệ thống các quy hoạch trên địa bàn tỉnh, bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành cấp quốc gia, cấp vùng và các quy hoạch có liên quan. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch và điều chỉnh (nếu có).

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính phù hợp, tính tuân thủ, tính kế thừa các Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành và các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đầy đủ, chính xác về Quy hoạch tỉnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ, chương trình đề án, dự án

thuộc ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đã đề ra, góp phần hiện thực hoá Quy hoạch tỉnh.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội; tạo đột phá trong thu hút đầu tư để phát triển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể; thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương theo hướng nâng cao giá trị và hiệu quả cao, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

Đến năm 2025: Rà soát, lập, điều chỉnh các Quy hoạch đô thị, nông thôn, các Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

Trong năm 2024 - 2025: Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định tại Điều 59 Luật Quy hoạch. Chủ động nghiên cứu xây dựng các đề án thay thế (nếu cần thiết) để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

2. Triển khai thực hiện các dự án theo Quy hoạch tỉnh

a) Danh mục các dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư thực hiện Quy hoạch tỉnh đến năm 2030.

- Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực (Phụ lục II kèm theo).

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các công trình, dự án đầu tư công và ngoài ngân sách sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo các quy định của pháp luật liên quan.

- Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công:

+ Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan về đầu tư công.

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng từ các dự án đã và đang thực hiện từ nguồn vốn đầu tư công nhằm phát huy hiệu quả công trình, dự án mang lại; lấy đầu tư công kích hoạt mọi nguồn lực của xã hội.

- Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết Vùng, nội vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế, khu đô thị động lực; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các thành phố, tam giác phát triển chính đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi; giao thông; hệ thống cảng; cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, phòng cháy, chữa cháy, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công:

+ Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh của tỉnh.

+ Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư các dự án, gồm: Nông nghiệp, thủy sản (Khu nông nghiệp - thủy sản ứng dụng công nghệ cao); các cụm nhà máy chế biến sâu, chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao gắn với các vùng nguyên liệu; hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng khu kinh tế; lấn biển, đảo nhân tạo; khu thương mại - dịch vụ và du lịch; khu phi thuế quan, kho ngoại quan; điện - năng lượng; cấp nước và môi trường; xử lý chất thải,... dựa trên tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực phúc lợi xã hội khác.

+ Tăng cường hợp tác công - tư (PPP) trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; xây dựng chính sách đột phá để phát triển hạ tầng chiến lược, tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI; thúc đẩy liên kết ngân hàng - doanh nghiệp, hỗ trợ các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

b) Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Triển khai các giải pháp huy động vốn trong Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ

yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; đẩy mạnh hợp tác công tư, khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, hấp dẫn đầu tư công dẫn dắt và kích hoạt các nguồn lực của xã hội.

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP là 7% bình quân hàng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tỉnh Kiên Giang cần huy động tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 711.516 tỷ đồng, trong đó: Nhu cầu vốn thời kỳ 2021-2025 là 263.129 tỷ đồng, thời kỳ 2026-2030 là 448.387 tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
1.Nguồn vốn khu vực nhà nước	24,4% (tương đương 64.231 tỷ đồng)	22,9% (tương đương 103.041 tỷ đồng)
2.Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	74,3% (tương đương 195.585 tỷ đồng)	75,9% (tương đương 340.151 tỷ đồng)
3.Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	1,3% (tương đương 3.313 tỷ đồng)	1,2% (tương đương 5.196 tỷ đồng)

Về huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư: Tập trung huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển¹; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Trong đó: Đối với các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng công cộng và cung cấp dịch vụ công, ưu tiên sử dụng nguồn vốn tư nhân (trong và ngoài nước), tiếp tục bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cho các dự án còn lại theo thứ tự ưu tiên. Những dự án không thể huy động theo hai nguồn vốn nêu trên sẽ được thực hiện thông qua nguồn vốn ODA hoặc PPP. Các giải pháp huy động vốn từ ngân sách Nhà nước, ngoài Nhà nước cho đầu tư các dự án quan trọng và phát triển đồng bộ hạ tầng tỉnh Kiên Giang như sau:

- Đối với vốn đầu tư ngân sách Nhà nước: Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương để huy động các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án quan trọng về kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi, cấp nước, thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của Bộ, ngành nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả các nguồn ngân sách Trung ương, tập trung đầu tư các công trình trọng điểm theo định hướng phát triển của tỉnh. Theo đó, cần xác định rõ các định hướng,

¹ Trong đó: Tập trung quan tâm giải pháp cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

điểm mạnh của từng ngành, từng vùng; xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư và tập trung nguồn vốn ngân sách cho các dự án quan trọng có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển, làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”.

- Đối với vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước: Tập trung thu hút các nhà đầu tư tư nhân lớn vào các dự án sản xuất, kinh doanh mà tỉnh ưu tiên đầu tư; khuyến khích, ưu tiên mời gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính mạnh, uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp; thực hiện đấu thầu vào các dự án lớn trong các lĩnh vực có tiềm năng của tỉnh như: Du lịch, thương mại, dịch vụ hậu cần, bất động sản, công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao và y tế. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư thông qua đối thoại doanh nghiệp, triển lãm xúc tiến đầu tư, tổ chức đấu thầu dự án; tiếp thị, xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh Kiên Giang ra nước ngoài,... Tăng cường giám sát các dự án đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, nhất là khâu thực hiện thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó: Giảm các chi phí không chính thức; tăng cường khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp ngoài nhà nước; nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước; nâng cao tính năng động, tiên phong của chính quyền tỉnh; cải thiện thiết chế pháp lý, đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính, nhanh, gọn và minh bạch. Phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn kịp thời. Nâng cao khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp thông qua đối xử công bằng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Nâng cao tính minh bạch trong tiếp cận thông tin thông qua số hóa thông tin để đảm bảo công bằng cho khối doanh nghiệp tư nhân.

Bên cạnh đó, tỉnh tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, tạo đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực: Y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ,... Khuyến khích nguồn vốn xã hội hóa cho các dự án mang tính cộng đồng và các dự án nâng cao phúc lợi cho người dân như: Cải thiện trường lớp học, trang bị thiết bị dạy học, nâng cấp bệnh viện, khu vui chơi giải trí thể thao, cơ sở hạ tầng dân sinh,... góp phần giảm thiểu gánh nặng cho ngân sách địa phương. Đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó: Cần lựa chọn các dự án đầu tư FDI có nền tảng công nghệ cao, phù hợp với định hướng của tỉnh và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tránh chạy theo số lượng; tăng tính hiệu quả của cơ quan chuyên trách về FDI, đi song hành với doanh nghiệp FDI trong khai thác thị trường trong và ngoài nước, các giải pháp tăng tính liên kết vùng và quốc tế để tạo điều kiện xuất khẩu và các giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng để thu hút FDI trên địa bàn tỉnh.

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển của địa phương và phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng Đồng bằng sông

Cửu Long xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách của vùng và những đề án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá cho phát triển tỉnh, vùng và ngành (cả nước).

(Danh mục các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về cơ chế, chính sách phát triển tại Phụ lục I kèm theo)

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2025 và Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2026-2030 theo đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất, đồng bộ, hiệu quả, thống nhất với Quy hoạch tỉnh.

Trường hợp có chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất, khu vực định hướng Quy hoạch đầu tư trong các Quy hoạch được phê duyệt trước đây khác so với Quy hoạch tỉnh thì thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất, định hướng quy hoạch đầu tư của Quy hoạch tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang; (iii) Thực hiện nghiêm túc các cam kết nêu tại công văn số 2017/UBND-TH ngày 24 tháng 10 năm 2023; (iv) Tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các đề án, dự án tại Phụ lục I, Phụ lục II (kèm theo); (v) Đối với các dự án đang xử lý

theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài biết, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức, thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách, giải pháp để cụ thể hoá triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm, định hướng phát triển tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.